

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh giá kế hoạch một số mặt hàng trong các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc tập trung cấp địa phương tỉnh Đắk Nông năm 2018-2019**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;  
Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;  
Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;  
Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Dược;  
Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BYT, ngày 17/3/2015 của Bộ Y tế Ban hành Danh mục thuốc Đông y, thuốc từ Dược liệu và Vị thuốc y học cổ truyền thuộc phạm vi thanh toán của quỹ Bảo hiểm y tế;  
Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT, ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế về việc Quy định đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;  
Căn cứ Quyết định số 1352/QĐ-UBND, ngày 31/8/2018, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc tập trung cấp địa phương tỉnh Đắk Nông năm 2018-2019;  
Xét Quyết định số 2586/QĐ-SYT, ngày 24/12/2018 của Sở Y tế về phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu mua thuốc tập trung cấp địa phương tỉnh Đắk Nông năm 2018-2019 ;  
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số 41/TTr-SYT, ngày 19/3/2019 về việc điều chỉnh giá kế hoạch một số mặt hàng trong các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc tập trung cấp địa phương tỉnh Đắk Nông năm 2018-2019 và Báo cáo số 72/BC-SYT, ngày 19/3/2019 về việc xử lý một số tình huống trong kết quả lựa chọn nhà thầu mua thuốc năm 2018; ý kiến của Hội đồng đấu thầu thuốc của Sở Y tế tại Biên bản số 03/BB-TTĐ, ngày 11/3/2019,



## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh giá kế hoạch một số mặt hàng trong các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc tập trung cấp địa phương tỉnh Đắk Nông năm 2018-2019, với nội dung cụ thể theo Phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 1352/QĐ-UBND, ngày 31/8/2018, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc tập trung cấp địa phương tỉnh Đắk Nông năm 2018-2019.

**Điều 3.** Sở Y tế tỉnh Đắk Nông có trách nhiệm về tính pháp lý của các hồ sơ có liên quan, đơn giá của từng chủng loại thuốc, số lượng, chất lượng, thành phần của từng sản phẩm do đơn vị trình phê duyệt, đồng thời chịu trách nhiệm thực hiện nội dung tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Nông theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức giám sát, kiểm soát đơn giá, theo dõi hoạt động đấu thầu được giao tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Nông, Giám đốc kho bạc nhà nước Đắk Nông và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Công TTĐT, CNXD (MNC).

4



**Tôn Thị Ngọc Hạnh**



PHỤ LỤC

Điều chỉnh giá kế hoạch một số mặt hàng trong các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc tập trung cấp địa phương tỉnh Đắk Nông năm 2018-2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 426/QĐ-UBND, ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)



Stt	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Đã phê duyệt theo QĐ số 1352/QĐ-UBND, ngày 31/8/2018		Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch	
							Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền
<b>I. Gói thầu số 1: Gói thầu mua thuốc theo tên generic Nhóm 1 năm 2018-2019</b>										
1	N1050	Celecoxib	200mg	Uống, viên	Viên	37.000	10.500	388.500.000	10.520	389.240.000
2	N1124	Kali clorid	600mg	Uống, viên	Viên	30.000	1.950	58.500.000	2.100	63.000.000
3	N1137	Lidocain (hydroclorid)	10%/38g	Khí dung chai xịt	Chai	560	126.350	70.756.000	159.000	89.040.000
4	N1163	Naloxon (hydroclorid)	0,4mg/ml	Tiêm, ống	Ống	380	37.800	14.364.000	44.000	16.720.000
5	N1214	Ranitidin	50mg/ 2ml	Tiêm, ống	Ống	1.520	23.982	36.452.640	27.708	42.116.160
6	N1252	Valsartan + hydrochlorothiazid	160mg + 25mg	Uống, viên	Viên	11.000	16.500	181.500.000	17.308	190.388.000
<b>II. Gói thầu số 2: Gói thầu mua thuốc theo tên generic Nhóm 2 năm 2018-2019</b>										
1	N2097	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	30mg	Uống, viên phóng thích có kiểm soát	Viên	19.000	2.000	38.000.000	3.245	61.655.000
<b>III. Gói thầu số 3: Gói thầu mua thuốc theo tên generic Nhóm 3 năm 2018-2019</b>										
1	N3047	Amoxicilin + acid clavulanic	500mg + 125mg	Uống, gói	Gói	160.600	8.500	1.365.100.000	9.800	1.573.880.000
2	N3062	Ampicilin (muối natri)	1000mg	Tiêm, lọ	Lọ	2.200	4.200	9.240.000	4.819	10.601.800
3	N3128	Cefaclor	250mg	Uống, viên	Viên/vi	93.500	1.528	142.868.000	1.645	153.807.500
4	N3135	Cefalexin	500mg	Uống, viên	Viên/vi	73.800	705	52.029.000	792	58.449.600
5	N3184	Clarithromycin	250 mg	Uống, viên	Viên/vi	19.000	1.365	25.935.000	1.380	26.220.000
6	N3230	Domperidon	10mg	Uống, viên	Viên	99.500	75	7.462.500	84	8.358.000
7	N3301	Guaiazulen + Dimethicon	0,004g + 3g	Uống, gói	Gói	20.500	3.750	76.875.000	4.200	86.100.000
8	N3305	Huyết thanh kháng uốn ván	1500UI	Tiêm, ống	Ống	4.070	23.520	95.726.400	25.263	102.820.410
9	N3345	Lidocain (hydroclorid)	2%, 20ml	Tiêm, lọ	Lọ	920	14.595	13.427.400	14.999	13.799.080
10	N3371	Manitol	20%, 250ml	Tiêm truyền, chai/ túi 250ml	Chai/Túi	910	17.850	16.243.500	18.480	16.816.800
11	N3434	Nước cất pha tiêm	500ml	Tiêm truyền, chai/ túi 500ml	Chai/Túi	1.400	7.875	11.025.000	8.610	12.054.000
12	N3471	Paracetamol (acetaminophen)	325mg	Uống, viên	Viên/vi	290.500	92	26.726.000	113	32.826.500
13	N3542	Ringer lactat	500ml	Tiêm truyền, chai/ túi 500ml	Chai/Túi	67.700	8.300	561.910.000	9.345	632.656.500



Stt	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Đã phê duyệt theo QĐ số 1352/QĐ-UBND, ngày 31/8/2018		Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch	
							Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền
14	N3564	Sorbitol	3,3%/500ml	Dung dịch, chai/Túi 500ml	Chai/Túi	500	11.970	5.985.000	14.175	7.087.500
15	N3624	Vitamin B6	250mg	Uống, viên	Viên/vi	167.800	400	67.120.000	478	80.208.400
16	N3640	Vitamin H (B8)	5mg	Uống, viên	Viên	7.000	1.480	10.360.000	1.500	10.500.000
<b>IV. Gói thầu số 6: mua thuốc biệt dược năm 2018-2019</b>										
1	BD007	Irbesartan	300mg	Uống, viên	Viên	5.000	14.324	71.620.000	14.342	71.710.000
<b>Tổng cộng: 24 khoản</b>								<b>3.347.725.440</b>		<b>3.750.055.250</b>

